

Số: **10** /2025/TT-BD TTG

Hà Nội, ngày **05** tháng 11 năm 2025

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chế xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành
văn bản quy phạm pháp luật, đề án do Bộ Dân tộc và Tôn giáo
tham mưu trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền**

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

*Căn cứ Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật số
01/2012/UBTVQH13;*

*Căn cứ Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật số
03/2012/UBTVQH13;*

*Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6
năm 2025 của Chính phủ sửa đổi khoản 12 Điều 3 Nghị định số 41/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày
01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và
Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm
tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Thông tư ban hành Quy chế xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án do Bộ Dân tộc và Tôn giáo tham mưu trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án do Bộ Dân tộc và Tôn giáo tham mưu trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026; thay thế Thông tư số 03/2022/TT-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định trình tự, thủ tục, soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc, cách thức, quy trình, các bước, phân công nhiệm vụ trong quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan. *ly*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các vụ, đơn vị thuộc Bộ;
- Cục KTrVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Sở Dân tộc và Tôn giáo; cơ quan công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh;
- Công báo điện tử;
- Công TTĐT Bộ DTTG;
- Lưu: VT, PC (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Y Vinh Tor



QUY CHẾ

**Xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật,
đề án do Bộ Dân tộc và Tôn giáo tham mưu trình ban hành**

hoặc ban hành theo thẩm quyền

*(Kèm theo Thông tư số **10** /2025/TT-BD TTG ngày **05** tháng **11** năm **2025**
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về cách thức, quy trình, các bước, phân công nhiệm vụ trong quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án do Bộ Dân tộc và Tôn giáo tham mưu trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

2. Quy chế này áp dụng đối với quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án sau:

a) Các văn bản quy phạm pháp luật gồm:

Luật, pháp lệnh, nghị quyết, lệnh, quyết định do Bộ Dân tộc và Tôn giáo được giao chủ trì soạn thảo trình Chính phủ để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước ban hành.

Nghị định, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, quyết định do Bộ Dân tộc và Tôn giáo được giao chủ trì soạn thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Thông tư của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước.

b) Các đề án do Bộ Dân tộc và Tôn giáo được giao chủ trì soạn thảo trình cấp có thẩm quyền ban hành thuộc Chương trình công tác hằng năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc được cấp có thẩm quyền giao;

c) Các văn bản hành chính hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (sau đây gọi chung là Luật năm 2025).

3. Quy chế này không áp dụng đối với quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên tịch thực hiện theo quy định tại Điều 49 Luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo; tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án do Bộ Dân tộc và Tôn giáo tham mưu trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

Điều 2. Nguyên tắc chung trong quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án

1. Việc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Dân tộc và Tôn giáo tham mưu trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền phải bảo đảm tuân thủ nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 5 Luật năm 2025 và nguyên tắc quy định tại Quy chế này.

2. Bộ trưởng chỉ đạo chung về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án do Bộ Dân tộc và Tôn giáo tham mưu trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

3. Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án thuộc lĩnh vực được giao phụ trách; cho ý kiến vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án khi trình Bộ trưởng ký ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Quy chế này và Quy chế làm việc của Bộ.

4. Đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến Lãnh đạo Bộ phụ trách để xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về chủ trương ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án.

5. Đối với văn bản quy phạm pháp luật, đề án có nội dung phức tạp liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc các vấn đề quan trọng khác, Lãnh đạo Bộ được giao phụ trách quyết định việc:

a) Báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ;

b) Báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng;

c) Lấy ý kiến các đồng chí Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực có liên quan. Nội dung đề nghị lấy ý kiến phải xác định rõ những vấn đề cần lấy ý kiến; sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc thay thế, bãi bỏ đối với chính sách, quy định được đề nghị xây dựng hoặc đang soạn thảo.

6. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tham gia vào quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án ngay từ giai đoạn đầu; thực hiện thẩm định dự thảo văn

bản do đơn vị thuộc Bộ chủ trì xây dựng trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành đối với các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng; cho ý kiến về mặt pháp lý đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án trước khi trình Lãnh đạo Bộ ký gửi Bộ Tư pháp thẩm định, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội, Chủ tịch nước.

7. Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, thủ trưởng đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo phải kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách những vấn đề cần xin ý kiến chỉ đạo. Trường hợp cần thiết hoặc theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phụ trách, thủ trưởng đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo chuẩn bị những vấn đề cần xin ý kiến, báo cáo Bộ trưởng xem xét quyết định.

8. Khi trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo phải trình kèm theo dự thảo văn bản hợp nhất.

9. Việc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án được thực hiện trước và trong quá trình xây dựng.

10. Quy trình xây dựng, ban hành đề án thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư và các quy định có liên quan.

Điều 3. Phân công xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án

1. Việc phân công đơn vị chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án cho các đơn vị thuộc Bộ phải bảo đảm gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

2. Bộ trưởng xem xét, quyết định giao cho một đơn vị hoặc Vụ Pháp chế chủ trì và chịu trách nhiệm chính về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án đối với trường hợp văn bản quy phạm pháp luật, đề án có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực phụ trách của nhiều đơn vị.

3. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì trong việc xây dựng, soạn thảo các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị mình.

4. Hằng năm, Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị tham mưu, trình Bộ trưởng ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án (sau đây gọi là Chương trình) của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, trong đó quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng từng văn bản quy phạm pháp luật, đề án.

Điều 4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật, đề án

1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 7 Luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày đề án do Bộ Dân tộc và Tôn giáo được giao chủ trì soạn thảo trình cấp có thẩm quyền ban hành và các văn bản hành chính hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Điều 5. Kiểm soát thủ tục hành chính trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật phải bảo đảm:

a) Đáp ứng quy định tại Điều 5 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và bảo đảm theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính;

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy định và giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu người dân và doanh nghiệp cung cấp bản chính, bản sao các giấy tờ đã tích hợp trên VNeID.

2. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Xây dựng báo cáo đánh giá thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật);

b) Lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính trước khi gửi Vụ Pháp chế hoặc Bộ Tư pháp thẩm định.

3. Văn phòng Bộ có trách nhiệm:

a) Có ý kiến về thủ tục hành chính quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khi được gửi lấy ý kiến;

b) Phối hợp với Vụ Pháp chế thẩm định về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo thông tư có quy định thủ tục hành chính.

4. Trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau về nội dung liên quan đến thủ tục hành chính trong dự thảo thông tư, Vụ Pháp chế có thể tổ chức họp với Văn phòng Bộ và đơn vị có liên quan để thống nhất. Trường hợp cần thiết, đề xuất Lãnh đạo Bộ phụ trách thành lập Hội đồng thẩm định.

Điều 6. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập

Trong trường hợp cần thiết, đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đề xuất với Lãnh đạo Bộ phụ trách việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học để tư vấn cho đơn vị chủ trì soạn thảo thực hiện việc soạn thảo.

Chương II

ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG LẬP PHÁP, CHƯƠNG TRÌNH LẬP PHÁP; LẬP DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT; ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ; BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐỀ ÁN

Điều 7. Lập đề xuất định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc Kỳ họp đầu tiên nhiệm kỳ Quốc hội, các đơn vị thuộc Bộ chủ động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình hoặc theo đề nghị của Vụ Pháp chế rà soát, nghiên cứu, gửi văn bản đề xuất nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội đến Vụ Pháp chế để tổng hợp.

2. Văn bản đề xuất nhiệm vụ lập pháp của các đơn vị phải nêu rõ:

a) Tên luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc vấn đề cần nghiên cứu, rà soát;

b) Căn cứ, nội dung cần được nghiên cứu, rà soát, thể chế hóa;

c) Cơ quan chủ trì thực hiện;

d) Dự kiến thời gian trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

3. Trường hợp văn bản đề xuất chưa đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này, Vụ Pháp chế có trách nhiệm đề nghị đơn vị hoàn thiện văn bản đề xuất. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Vụ Pháp chế, đơn vị có trách nhiệm hoàn thiện đề xuất gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp.

4. Vụ Pháp chế tổng hợp đề xuất của các đơn vị thuộc Bộ, báo cáo xin ý kiến Lãnh đạo Bộ. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Vụ Pháp chế hoàn thiện tài liệu và phối hợp với Văn phòng Đảng ủy Bộ xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ trước khi trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

5. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày kết thúc Kỳ họp đầu tiên nhiệm kỳ Quốc hội, văn bản đề xuất của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội phải được gửi đến Bộ Tư pháp hoặc theo thời hạn do Bộ Tư pháp đề nghị.

6. Trong trường hợp phát sinh nhiệm vụ lập pháp mới, đơn vị đề xuất báo cáo xin ý kiến Lãnh đạo Bộ phụ trách phê duyệt và phối hợp với Văn phòng Đảng ủy Bộ xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ trước khi trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, bổ sung, đồng thời gửi Vụ Pháp chế để theo dõi.

7. Việc lập đề xuất định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật năm 2025 và Điều 10 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Điều 8. Triển khai Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội

1. Căn cứ Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, Vụ Pháp chế dự kiến phân công nhiệm vụ cho các đơn vị chủ trì thực hiện, trình Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác pháp chế để báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Căn cứ quyết định của Bộ trưởng, Vụ Pháp chế thông báo nhiệm vụ lập pháp cho các đơn vị liên quan. Văn bản thông báo được gửi đến Văn phòng Đảng ủy Bộ để tổng hợp, theo dõi; đồng thời gửi Văn phòng Bộ để đưa vào Chương trình công tác hằng năm của Bộ.

3. Vụ Pháp chế dự thảo báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội trình Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác pháp chế phê duyệt gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Điều 9. Lập đề xuất Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội

1. Đơn vị thuộc Bộ gửi văn bản đề xuất xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sau khi báo cáo được Lãnh đạo Bộ phụ trách đồng ý đến Vụ Pháp chế trước ngày 10 tháng 5 hằng năm để tổng hợp. Văn bản đề xuất nêu rõ sự cần thiết, mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; các vấn đề cụ thể để xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật; vấn đề mới, xu hướng mới và các nội dung cần thiết khác (nếu có); tiến độ các công việc đã thực hiện; thời gian dự kiến trình và thông qua.

2. Vụ Pháp chế tổng hợp đề xuất của các đơn vị, báo cáo xin ý kiến Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác pháp chế. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác pháp chế, Vụ Pháp chế hoàn thiện tài liệu và phối hợp với Văn phòng Đảng ủy Bộ xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ trước khi trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Bộ Tư pháp trước ngày 01 tháng 6 hằng năm.

3. Trường hợp cần điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội thì thực hiện như sau:

a) Đơn vị lập đề xuất xây dựng tờ trình theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật năm 2025 gửi Vụ Pháp chế tham gia ý kiến;

b) Đơn vị lập đề xuất tiếp thu, giải trình ý kiến của Vụ Pháp chế và báo cáo xin ý kiến Lãnh đạo Bộ phụ trách, hoàn thiện tài liệu và phối hợp với Văn phòng Đảng ủy Bộ xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ trước khi trình Bộ trưởng ký văn bản lấy ý kiến Bộ Tư pháp;

c) Căn cứ ý kiến của Bộ Tư pháp, đơn vị lập đề xuất có trách nhiệm tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện tờ trình đề xuất điều chỉnh, báo cáo Thứ trưởng phụ trách, trình Bộ trưởng quyết định việc trình Chính phủ tờ trình đề xuất điều chỉnh;

d) Văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Tư pháp, tờ trình đề xuất điều chỉnh, văn bản thống nhất điều chỉnh Chương trình lập pháp của cơ quan có thẩm quyền được gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp, điều chỉnh Chương trình của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, đồng thời gửi Văn phòng Đảng ủy Bộ và Văn phòng Bộ để tổng hợp, theo dõi.

Điều 10. Thực hiện Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội

1. Căn cứ Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội đã được thông qua và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, Vụ Pháp chế dự kiến phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, trình Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác pháp chế để báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Căn cứ quyết định của Bộ trưởng, Vụ Pháp chế thông báo nhiệm vụ lập pháp cho các đơn vị liên quan. Văn bản thông báo được gửi đến Văn phòng Đảng ủy Bộ để tổng hợp, theo dõi; đồng thời gửi Văn phòng Bộ để đưa vào Chương trình công tác năm của Bộ; gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để phân bổ kinh phí hỗ trợ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bảo đảm tiến độ, chất lượng soạn thảo; chậm nhất vào ngày 20 hằng tháng cập nhật thông tin về tình hình thực hiện nhiệm vụ lập pháp được giao, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp.

4. Trên cơ sở thông tin do các đơn vị cung cấp, Vụ Pháp chế xây dựng văn bản của Bộ Dân tộc và Tôn giáo báo cáo về tình hình triển khai xây dựng nhiệm vụ lập pháp, trình Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, gửi Bộ Tư pháp trước ngày 25 hằng tháng. Văn bản gửi Bộ Tư pháp đồng thời gửi Văn phòng Đảng ủy Bộ, Văn phòng Bộ để tổng hợp, theo dõi.

Điều 11. Lập danh mục văn bản quy định chi tiết

1. Đối với văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, đơn vị được giao chủ trì xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước có trách nhiệm:

a) Lập danh mục văn bản quy định chi tiết trong đó nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết, nội dung giao quy định chi tiết, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp, thời hạn trình ban hành;

b) Lập danh mục các nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết;

c) Gửi danh mục văn bản quy định tại điểm a và b khoản này lấy ý kiến Vụ Pháp chế trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thông qua, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ký ban hành;

d) Trên cơ sở ý kiến góp ý của Vụ Pháp chế, đơn vị được giao chủ trì xây dựng hoàn thiện danh mục và trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký gửi Bộ Tư pháp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thông qua, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ký ban hành.

2. Đối với văn bản quy định chi tiết nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đơn vị được giao chủ trì xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm:

a) Lập danh mục văn bản quy định chi tiết trong đó nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết, nội dung giao quy định chi tiết, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp, thời hạn trình ban hành;

b) Gửi lấy ý kiến của Vụ Pháp chế về dự thảo danh mục văn bản quy định chi tiết;

c) Trên cơ sở ý kiến góp ý của Vụ Pháp chế, đơn vị được giao chủ trì xây dựng hoàn thiện danh mục và trình Lãnh đạo Bộ phụ trách có thông báo bằng văn bản tới các bộ, cơ quan có liên quan về danh mục văn bản quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành. Văn bản thông báo được gửi tới Vụ Pháp chế để tổng hợp, theo dõi;

d) Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế theo dõi, đôn đốc việc xây dựng văn bản quy định chi tiết nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

Điều 12. Thông báo nội dung giao bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương ban hành văn bản quy định chi tiết

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ tham mưu, trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ban hành văn bản thông báo cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng

nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung giao quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nghị định, nghị quyết, quyết định được ký ban hành.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết; hằng quý, năm hoặc đột xuất báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách đề báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng về tình hình, tiến độ và những vướng mắc phát sinh (nếu có).

3. Văn bản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được gửi đến Vụ Pháp chế để tổng hợp, theo dõi, phục vụ công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 13. Đăng ký Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Hằng năm, các đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động hoặc theo đề nghị của Vụ Pháp chế gửi văn bản đề xuất Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Văn bản đề xuất phải nêu rõ tên văn bản quy phạm pháp luật, đề án đề xuất xây dựng; căn cứ đề xuất; Lãnh đạo Vụ phụ trách và cán bộ đầu mối; thời gian gửi thẩm định; thời gian trình ban hành.

2. Căn cứ xác định văn bản quy phạm pháp luật, đề án đưa vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

- a) Kết quả rà soát văn bản của các đơn vị;
- b) Văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan, cấp có thẩm quyền;
- c) Yêu cầu giải quyết vấn đề bất cập, phát sinh từ thực tiễn.

3. Căn cứ đề xuất của các đơn vị, Vụ Pháp chế lập danh mục văn bản đề xuất đưa vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và báo cáo Thủ trưởng phụ trách xin ý kiến chỉ đạo. Trong trường hợp cần thiết, Vụ Pháp chế chủ trì tổ chức họp với từng đơn vị có đăng ký Chương trình để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo trước khi trình các Thủ trưởng cho ý kiến để trình Bộ trưởng gửi Văn phòng Chính phủ tổng hợp.

4. Khi thay đổi Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đơn vị được giao chủ trì chủ động trình Lãnh đạo Bộ phụ trách báo cáo Bộ trưởng trước khi ký văn bản trình Lãnh đạo Chính phủ, gửi Văn phòng Chính phủ xin điều chỉnh Chương trình công tác; đồng thời gửi Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc.

Trường hợp có từ 02 đơn vị trở lên cùng đề xuất điều chỉnh Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các đơn vị gửi văn bản nêu rõ lý do (kèm theo ý kiến đồng ý điều chỉnh của Lãnh đạo Bộ phụ trách) đến Vụ Pháp chế để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ duyệt ký văn bản trình Lãnh đạo Chính phủ, gửi Văn phòng Chính phủ đề xuất điều chỉnh Chương trình công tác.

Điều 14. Đăng ký, phê duyệt Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Đăng ký Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án:

a) Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến Lãnh đạo Bộ phụ trách trước khi gửi Vụ Pháp chế để đăng ký Chương trình chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hằng năm.

Nội dung văn bản đăng ký Chương trình gồm: Tên dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án đề xuất xây dựng; căn cứ đề xuất; Lãnh đạo Vụ phụ trách và cán bộ đầu mối; thời gian gửi thẩm định; thời gian ban hành đối với thông tư của Bộ trưởng và thời gian trình ban hành đối với các văn bản quy phạm pháp luật khác, đề án.

b) Trường hợp cần bổ sung Chương trình để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình hằng năm thì Vụ Pháp chế có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ báo cáo Lãnh đạo Bộ trình cơ quan có thẩm quyền hoặc trình Bộ trưởng quyết định điều chỉnh, bổ sung Chương trình;

c) Đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị định, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ, khi đăng ký Chương trình hằng năm, đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các nội dung, tài liệu theo quy định của Luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Phê duyệt Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án:

a) Căn cứ văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, văn bản đăng ký của các đơn vị thuộc Bộ, Vụ Pháp chế tổng hợp trình Bộ trưởng ký ban hành Chương trình hằng năm của Bộ;

b) Chương trình hằng năm của Bộ bảo đảm có các nội dung chủ yếu: Tên văn bản quy phạm pháp luật, đề án; đơn vị chủ trì soạn thảo; Lãnh đạo Bộ phụ trách; lãnh đạo đơn vị, cán bộ đầu mối; thời gian thẩm định đối với văn bản quy phạm pháp luật, thời gian trình ban hành;

c) Căn cứ Chương trình hằng năm, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng kế hoạch soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án để xác định rõ công việc cần triển khai, tiến độ, thời gian, phân công thực hiện để văn bản quy phạm pháp luật, đề án được ban hành bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ;

d) Chương trình là cơ sở để chỉ đạo, triển khai, đôn đốc và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản của từng đơn vị được giao chủ trì xây dựng;

là cơ sở để phân bổ kinh phí hỗ trợ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ;

đ) Chương trình được gửi Văn phòng Đảng ủy Bộ để theo dõi, kiểm tra và Văn phòng Bộ để tổng hợp vào Chương trình công tác của Bộ;

e) Vụ Pháp chế có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ trong việc lập Chương trình của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 15. Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án của Bộ

1. Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án bảo đảm tiến độ, chất lượng xây dựng văn bản và báo cáo tiến độ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đề án hằng tháng (trước ngày 23 hằng tháng), 06 tháng (trước ngày 20 tháng 6), hằng năm (trước ngày 20 tháng 12) hoặc đột xuất theo yêu cầu.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chương trình của Bộ; tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng và cấp có thẩm quyền định kỳ hằng tháng, 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu về kết quả thực hiện và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình.

3. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật, đề án chậm tiến độ, Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nêu rõ nguyên nhân của việc chậm tiến độ và đề xuất biện pháp khắc phục trong báo cáo.

Điều 16. Điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án của Bộ

1. Việc điều chỉnh Chương trình hằng năm được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung vào Chương trình văn bản đã được cơ quan có thẩm quyền thông qua đề xuất chính sách;

b) Bổ sung vào Chương trình văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước mới được ban hành;

c) Bổ sung vào Chương trình văn bản được cấp có thẩm quyền giao, văn bản để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình hằng năm;

d) Bổ sung vào Chương trình văn bản khác ngoài trường hợp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này. Đơn vị đề xuất có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 14 Quy chế này;

đ) Đưa ra khỏi Chương trình văn bản chưa cần thiết ban hành hoặc không còn cần thiết phải ban hành do có sự thay đổi căn cứ pháp lý để ban hành, điều

kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu khách quan khác. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Thứ trưởng phụ trách, trình Bộ trưởng quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc không trình ban hành văn bản.

Sau khi được Bộ trưởng hoặc cấp có thẩm quyền chấp thuận, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi văn bản đến Vụ Pháp chế để điều chỉnh Chương trình.

e) Điều chỉnh thời gian trình do chậm tiến độ hoặc do chất lượng dự thảo văn bản không bảo đảm. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách trình Bộ trưởng quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc điều chỉnh thời gian trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án.

Sau khi được Bộ trưởng hoặc cấp có thẩm quyền chấp thuận, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi văn bản đến Vụ Pháp chế để điều chỉnh Chương trình.

2. Trong trường hợp cần thiết điều chỉnh Chương trình, các đơn vị gửi văn bản nêu rõ lý do (kèm theo ý kiến phê duyệt của Lãnh đạo Bộ phụ trách) đến Vụ Pháp chế để tổng hợp, trình Bộ trưởng duyệt, ký ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung Chương trình theo nguyên tắc có căn cứ, đúng thẩm quyền, hiệu quả và khả thi.

Chương III **XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Mục 1 **Xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội,** **pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

Điều 17. Xây dựng chính sách

1. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc trường hợp phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật năm 2025 có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy trình xây dựng chính sách theo quy định tại Mục 2 Chương III Luật năm 2025 và Mục 2 Chương II Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất, báo cáo Thứ trưởng phụ trách, trình Bộ trưởng phê duyệt chủ trương xây dựng chính sách. Tài liệu trình phê duyệt chủ trương xây dựng chính sách gồm:

a) Tờ trình Lãnh đạo Bộ về việc xây dựng chính sách; trong đó nêu rõ sự cần thiết, mục tiêu, yêu cầu xây dựng chính sách để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật;

b) Dự kiến các chính sách cần điều chỉnh;

c) Ý kiến của các đơn vị thuộc Bộ có liên quan (nếu có).

3. Sau khi chủ trương về xây dựng chính sách được phê duyệt, đơn vị đề xuất xây dựng chính sách có văn bản gửi Văn phòng Đảng ủy Bộ để theo dõi; đồng thời gửi Vụ Pháp chế để phối hợp.

4. Đơn vị được giao chủ trì xây dựng chính sách phối hợp với Vụ Pháp chế triển khai nhiệm vụ đánh giá tác động chính sách. Đối với trường hợp nội dung chính sách phức tạp, nhạy cảm, có phạm vi tác động rộng và liên quan đến nhiều Bộ, ngành, lĩnh vực, đơn vị được giao chủ trì xây dựng chính sách mời đại diện đơn vị chức năng thẩm định, thẩm tra của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia đánh giá tác động chính sách.

Trường hợp kết quả báo cáo đánh giá tác động chính sách có nhiều vấn đề lớn, phức tạp, đơn vị chủ trì xây dựng báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách đề xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

5. Đơn vị chủ trì xây dựng chính sách có trách nhiệm lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và các đơn vị liên quan thuộc Bộ trong quá trình xây dựng chính sách. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và các đơn vị thuộc Bộ, đơn vị chủ trì xây dựng chính sách hoàn thiện tài liệu xây dựng chính sách, lấy ý kiến Vụ Pháp chế trước khi báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Tài liệu gửi lấy ý kiến gồm:

- a) Văn bản đề nghị tham gia ý kiến;
- b) Ý kiến tham gia của các đơn vị liên quan thuộc Bộ;
- c) Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật năm 2025, Điều 15 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ tài liệu hoặc theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Vụ Pháp chế có trách nhiệm tham gia ý kiến và có văn bản trả lời đơn vị chủ trì soạn thảo. Ý kiến tham gia về các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật năm 2025.

7. Đơn vị chủ trì soạn thảo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Vụ Pháp chế và hoàn thiện tài liệu xây dựng chính sách trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến và trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký văn bản gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Điều 18. Hoàn thiện chính sách, trình cấp có thẩm quyền thông qua

1. Đơn vị chủ trì xây dựng chính sách phối hợp với Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện tài liệu xây dựng chính sách, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách.

2. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phụ trách, đơn vị chủ trì soạn thảo hoàn thiện tài liệu, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định hoặc trình Lãnh đạo

Bộ quyết định theo phân công của Bộ trưởng việc trình Chính phủ thông qua chính sách, đồng thời gửi Bộ Tư pháp.

3. Tài liệu chính sách sau khi được Chính phủ thông qua được gửi Văn phòng Đảng ủy Bộ, Vụ Pháp chế để tổng hợp, theo dõi.

4. Khi Chính phủ quyết nghị thông qua hồ sơ chính sách, đơn vị chủ trì lập đề xuất có trách nhiệm chỉnh lý tài liệu chính sách theo quyết nghị của Chính phủ, báo cáo Bộ trưởng xem xét, thông qua làm cơ sở giao đơn vị thuộc Bộ thực hiện quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật để quy phạm hóa chính sách.

Điều 19. Soạn thảo, thẩm định dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Việc soạn thảo, thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật năm 2025 và Điều 18, Điều 19 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2. Trong quá trình soạn thảo, đối với những vấn đề lớn, còn có ý kiến khác nhau liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách mới, quan trọng hoặc cơ chế, chính sách đặc thù, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ để cho ý kiến hoặc báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Đảng.

3. Tổ chức lấy ý kiến tham gia của các đơn vị thuộc Bộ có liên quan; các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Cổng Pháp luật quốc gia về dự thảo văn bản để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật năm 2025.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các đơn vị thuộc Bộ, đơn vị chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo văn bản, gửi lấy ý kiến Vụ Pháp chế.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ tài liệu hoặc theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Vụ Pháp chế có trách nhiệm tham gia ý kiến và có văn bản trả lời đơn vị chủ trì soạn thảo. Ý kiến tham gia bao gồm các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật năm 2025.

5. Đơn vị chủ trì soạn thảo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Vụ Pháp chế và hoàn thiện văn bản, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách, trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến hoặc quyết định theo phân công của Bộ trưởng việc gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

6. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, đơn vị chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và chỉnh lý, hoàn thiện tài liệu dự thảo văn bản.

7. Trường hợp nội dung thẩm định có nội dung lớn, quan trọng, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách tổ chức họp để thảo luận, thống nhất với sự tham gia của đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan có liên quan.

Điều 20. Trình Chính phủ xem xét, quyết định trình dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Việc hoàn thiện tài liệu, trình Chính phủ xem xét, quyết định trình dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật năm 2025 và Điều 20 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp dự án, dự thảo văn bản có nội dung lớn, quan trọng mà các Bộ, ngành chưa thống nhất ý kiến, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách tổ chức họp để thảo luận, thống nhất với sự tham gia của đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan có ý kiến khác.

Điều 21. Hoàn thiện dự án, dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm tra theo quy định tại Điều 37 Luật năm 2025, đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp thu, giải trình, chỉnh lý, rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản; hoàn thiện tài liệu dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách, trình Bộ trưởng xem xét, trình Chính phủ quyết định trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm chất lượng, thời hạn theo quy định.

3. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan chuẩn bị tài liệu và các điều kiện bảo đảm cần thiết để phục vụ hoạt động thẩm tra, thông qua dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Mục 2

Xây dựng lệnh, quyết định của Chủ tịch nước

Điều 22. Xây dựng lệnh, quyết định của Chủ tịch nước

1. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo lệnh, quyết định của Chủ tịch nước tổ chức soạn thảo lệnh, quyết định; báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách trình Bộ trưởng ký trình Chính phủ để báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch nước về những vấn đề quan trọng của dự thảo lệnh, quyết định.

2. Tùy theo nội dung của dự thảo lệnh, quyết định, đơn vị chủ trì soạn thảo tham mưu Lãnh đạo Bộ trình Chính phủ xin ý kiến Chủ tịch nước quyết định việc

đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Công Pháp luật quốc gia trong thời hạn 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

3. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân để chỉnh lý dự thảo lệnh, quyết định và gửi lấy ý kiến của Vụ Pháp chế, hoàn thiện hồ sơ báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách, trình Bộ trưởng trình Chính phủ để trình Chủ tịch nước.

Mục 3

Xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và thông tư của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Điều 23. Các bước, quy trình soạn thảo, ban hành nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Việc soạn thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định từ Điều 27 đến Điều 38 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2. Tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội về dự thảo tài liệu của các đơn vị thuộc Bộ, của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Cổng Pháp luật quốc gia về dự thảo văn bản để lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật năm 2025.

3. Trước khi gửi hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Gửi tài liệu dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ lấy ý kiến Vụ Pháp chế:

Đối với nghị định gồm các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Đối với nghị quyết gồm các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Đối với quyết định gồm các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

b) Trên cơ sở ý kiến của Vụ Pháp chế, đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình, hoàn thiện tài liệu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách đề xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

Tài liệu gửi xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ gồm các tài liệu theo quy định tại điểm a khoản này; ý kiến của Vụ Pháp chế và bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến Vụ Pháp chế của đơn vị chủ trì soạn thảo.

c) Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, đơn vị chủ trì soạn thảo hoàn thiện tài liệu, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định việc gửi tài liệu đến Bộ Tư pháp để thẩm định.

4. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình, hoàn thiện tài liệu báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách trình Bộ trưởng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Trường hợp tài liệu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa đủ điều kiện trình, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và gửi tài liệu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đến Bộ Tư pháp để thẩm định lại.

Điều 24. Xây dựng, ban hành thông tư của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Việc soạn thảo, ban hành thông tư thực hiện theo quy định tại các Điều 39, 40 và 41 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2. Tổ chức lấy ý kiến tham gia của các đơn vị thuộc Bộ có liên quan; đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Dân tộc và Tôn giáo dự thảo văn bản để lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật năm 2025.

3. Vụ Pháp chế có trách nhiệm thẩm định thông tư của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo do đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo. Thời hạn thẩm định tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày Vụ Pháp chế nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định; không quá 08 ngày làm việc đối với thông tư có nội dung phức tạp, nhạy cảm. Tài liệu gửi thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

4. Việc thẩm định dự thảo thông tư do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo thực hiện như sau:

a) Vụ Pháp chế báo cáo, đề xuất Bộ trưởng phân công đơn vị khác thuộc Bộ thực hiện thẩm định;

b) Đơn vị được phân công thẩm định thực hiện việc thẩm định theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

5. Đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ dự thảo thông tư trình Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, cho ý kiến.

6. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phụ trách, đơn vị chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo thông tư, phối hợp với Văn phòng Đảng ủy Bộ xin ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

7. Đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, hoàn thiện hồ sơ dự thảo thông tư để báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách, trình Bộ trưởng xem xét, ký ban hành thông tư.

Mục 4

Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

Điều 25. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn khi thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật năm 2025.

2. Thẩm quyền quyết định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật năm 2025.

Điều 26. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Việc xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo thủ tục rút gọn được thực hiện theo quy định của Luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc xây dựng thông tư của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện như sau:

a) Khi thông tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật năm 2025, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng văn bản đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật năm 2025, lấy ý kiến của Vụ Pháp chế trước khi báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét phê duyệt. Sau khi được Lãnh đạo Bộ phụ trách phê duyệt, gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp, theo dõi;

b) Việc soạn thảo, đăng tải hồ sơ dự thảo thông tư; hồ sơ gửi thẩm định; hồ sơ trình dự thảo thông tư thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Luật năm 2025; điểm e khoản 2 Điều 39, khoản 8 Điều 40 và khoản 4 Điều 41 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo thông tư, Vụ Pháp chế có trách nhiệm thẩm định dự thảo thông tư do đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo. Đối với thông tư có nội dung phức tạp, nhạy cảm thì thời gian thẩm định không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

3. Trong quá trình soạn thảo văn bản, trường hợp thuộc diện được áp dụng theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 50 Luật năm 2025, đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với Vụ Pháp chế xây dựng văn bản đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trình Lãnh đạo Bộ xem xét quyết định.

Chương IV

TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 27. Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng và ban hành đối với các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật năm 2025;

b) Văn bản quy phạm pháp luật khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng cần thiết xây dựng kế hoạch triển khai thi hành theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đó hoặc theo quyết định của Bộ trưởng.

2. Đối với các văn bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật xây dựng, báo cáo Bộ trưởng xem xét đề trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi thẩm quyền của Bộ.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật xây dựng, trình Bộ trưởng để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Thời hạn xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật và các nội dung của kế hoạch triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 28. Phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý công tác phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm của Bộ trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch.

2. Các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực được giao quản lý.

3. Cung cấp thông tin xây dựng Thông cáo báo chí:

a) Đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết chứa quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Sau khi Chủ tịch nước ký lệnh công bố luật, pháp lệnh, nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo cung cấp thông tin gửi Văn phòng Chủ tịch nước về văn bản quy phạm pháp luật để phục vụ việc xây dựng Thông cáo báo chí theo quy định tại Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, đồng thời gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp, theo dõi.

b) Đối với nghị định, nghị quyết chứa quy phạm pháp luật của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

Sau khi nghị định, nghị quyết, quyết định được ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tham mưu trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản cung cấp thông tin gửi Bộ Tư pháp về văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo để phục vụ việc xây dựng Thông cáo báo chí, đồng thời gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp, theo dõi.

Nội dung văn bản cung cấp thông tin về nghị định, nghị quyết, quyết định thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 29. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật bằng văn bản hành chính

1. Căn cứ đề nghị của cơ quan, kiến nghị của tổ chức, cá nhân, đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo hoặc đơn vị được giao giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực có liên quan phối hợp với Vụ Pháp chế hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật bằng văn bản hành chính đối với các trường hợp sau:

a) Hướng dẫn áp dụng đối với thông tư của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo với Chánh án Tòa

án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước;

b) Hướng dẫn áp dụng đối với nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trong trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

2. Các trường hợp, nguyên tắc, tiêu chí hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật bằng văn bản hành chính trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 61 Luật năm 2025 và không được làm thay đổi nội dung quy định được hướng dẫn, không được đặt ra quy định mới.

Điều 30. Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

1. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo hoặc đơn vị được giao giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực cần hướng dẫn có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát nội dung đề nghị, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân để báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách, trình Bộ trưởng xem xét, ký ban hành văn bản hướng dẫn. Tài liệu báo cáo Bộ trưởng gồm:

- a) Tờ trình hoặc Phiếu trình Bộ trưởng;
- b) Dự thảo văn bản hướng dẫn áp dụng thông tư và thông tư cần được hướng dẫn áp dụng;
- c) Văn bản đề nghị, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- d) Ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan (nếu có);
- đ) Các tài liệu khác (nếu cần thiết).

2. Việc tiếp nhận, xử lý đề nghị, kiến nghị hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và việc đăng tải văn bản hướng dẫn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật năm 2025 và Điều 5 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

3. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tham mưu, giúp Bộ trưởng hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực được giao quản lý thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Điều 31. Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật hằng năm trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch; xây dựng báo cáo hằng năm về công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Dân tộc và Tôn giáo trình Lãnh đạo Bộ gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

b) Là đầu mối tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 11 và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

c) Thực hiện kiểm tra văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ khác, chính quyền địa phương cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành về những nội dung có liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo do Bộ Dân tộc và Tôn giáo quản lý không có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước;

d) Tổ chức thực hiện tự kiểm tra đối với các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành hoặc liên tịch ban hành; văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc liên tịch ban hành; văn bản hướng dẫn văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành về lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

2. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Vụ Pháp chế trong công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

b) Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị hoặc được Lãnh đạo Bộ giao khi có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật năm 2025, đồng thời gửi kết quả kiểm tra về Vụ Pháp chế để theo dõi;

c) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản quy định tại khoản 4 Điều 63 Luật năm 2025 do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản đó có trách nhiệm rà soát, giải trình cụ thể và báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định;

d) Báo cáo công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật định kỳ hoặc đột xuất theo đề nghị của Vụ Pháp chế.

3. Việc kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 63 Luật năm 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Điều 32. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Pháp chế là đầu mối đôn đốc, phối hợp, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ.

2. Vụ Pháp chế xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật hằng năm trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch; xây dựng báo cáo hằng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trình Lãnh đạo Bộ gửi Bộ Tư pháp.

3. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật năm 2025 liên quan đến nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của đơn vị mình; xây dựng và trình Bộ trưởng để ban hành hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Điều 33. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật

1. Nguyên tắc hợp nhất:

a) Việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo phải được thực hiện ngay sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung. Việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật không được làm thay đổi nội dung và hiệu lực của văn bản được hợp nhất;

b) Chỉ hợp nhất văn bản do cùng một cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

c) Tuân thủ trình tự, kỹ thuật hợp nhất văn bản quy định tại Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật:

a) Đối với văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ do các đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo:

Ngay sau khi nhận được văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung được người có thẩm quyền ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm thực hiện việc hợp nhất văn bản.

Thời hạn thực hiện việc hợp nhất và trình Lãnh đạo Bộ ký xác thực văn bản hợp nhất tối đa không quá 05 ngày làm việc.

b) Đối với thông tư do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành:

Đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư sửa đổi, bổ sung chủ động thực hiện việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật.

Thời hạn trình, ký xác thực văn bản hợp nhất tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông tư sửa đổi, bổ sung được ký ban hành.

c) Chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày ký văn bản xác thực, đơn vị thực hiện hợp nhất văn bản có trách nhiệm gửi bản chính văn bản hợp nhất kèm theo tệp dữ liệu điện tử đến Văn phòng Bộ để gửi Văn phòng Chính phủ đăng Công báo; gửi Trung tâm Chuyển đổi số để đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ và gửi Vụ Pháp chế để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

d) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có sai sót về lỗi chính tả, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản dẫn đến không thể thực hiện hợp nhất, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách để xử lý theo quy định. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện hợp nhất văn bản sau khi văn bản quy phạm pháp luật đã được xử lý và bảo đảm thực hiện hợp nhất theo quy định;

đ) Vụ Pháp chế có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và báo cáo về công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 34. Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

1. Trách nhiệm thực hiện pháp điển quy phạm pháp luật:

a) Vụ Pháp chế thực hiện pháp điển đối với quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, trách nhiệm pháp điển của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

b) Các đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện pháp điển đối với văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị mình chủ trì soạn thảo hoặc quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Gửi Vụ Pháp chế văn bản quy phạm pháp luật (định dạng “.pdf” có dấu đỏ và định dạng “.doc” hoặc “.docx”) trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để Vụ Pháp chế thực hiện pháp điển theo quy định và chịu trách nhiệm về việc không bảo đảm thời hạn thực hiện pháp điển quy phạm pháp luật trong trường hợp không gửi Vụ Pháp chế văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo quy định này.

2. Việc thực hiện pháp điển quy phạm pháp luật phải bảo đảm đúng thời hạn, chính xác về nội dung, đúng quy trình, thủ tục và tuân thủ kỹ thuật pháp điển theo quy định tại Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật.

Điều 35. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Pháp chế làm đầu mối tiếp nhận truy cập Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật của tổ chức, cá

nhân theo tài khoản do Bộ Tư pháp cấp quyền để phân loại, tiếp nhận, chuyển xử lý phản ánh đến đơn vị có trách nhiệm tham mưu để xử lý.

2. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo trên Hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật hiệu quả, đúng yêu cầu và tiến độ; chịu trách nhiệm đối với nội dung trả lời phản ánh, kiến nghị;

b) Khi được yêu cầu phối hợp trả lời phản ánh, kiến nghị, đơn vị liên quan có trách nhiệm trả lời đúng thời hạn, rõ nội dung; không trả lời chung chung, thiếu trách nhiệm hoặc né tránh trách nhiệm; trường hợp không trả lời hoặc trả lời không đúng thời hạn thì đơn vị phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Quy chế làm việc của Bộ.

3. Quy trình tiếp nhận và xử lý kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế của Bộ.

Điều 36. Theo dõi, kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật

1. Công tác tổ chức thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

2. Vụ Pháp chế là đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi lĩnh vực quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Dân tộc và Tôn giáo hằng năm; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và báo cáo định kỳ hằng năm, đột xuất về công tác tổ chức thi hành pháp luật của Bộ theo yêu cầu.

3. Các đơn vị thuộc Bộ tham mưu, giúp Bộ trưởng tổ chức thi hành pháp luật và kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo theo chức năng, nhiệm vụ được giao quản lý.

Điều 37. Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Vụ Pháp chế là đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Căn cứ, mục đích, yêu cầu tại kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Bộ trưởng ban hành và quy định của pháp

luật có liên quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tự kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong nội bộ đơn vị mình, kiểm tra người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình và gửi kết quả kiểm tra về Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 38. Dịch văn bản quy phạm pháp luật ra tiếng dân tộc

1. Vụ Pháp chế là đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, trình Bộ trưởng quyết định việc dịch ra tiếng dân tộc thiểu số đối với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Các đơn vị có trách nhiệm đề xuất danh mục các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến đồng bào dân tộc thiểu số dịch ra tiếng dân tộc thiểu số gửi Vụ Pháp chế tổng hợp, trình Bộ trưởng quyết định để tổ chức thực hiện.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Trách nhiệm phối hợp giữa các đơn vị trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án

1. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế và các đơn vị thuộc Bộ trong từng khâu thuộc quy trình xây dựng chính sách; soạn thảo, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án theo quy định tại Luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quy chế này.

2. Các đơn vị được giao phối hợp trong soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin liên quan đến lĩnh vực được giao phụ trách khi có yêu cầu của đơn vị chủ trì soạn thảo, đơn vị thẩm định.

Điều 40. Trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ trong quá trình soạn thảo, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án

1. Đối với đơn vị chủ trì soạn thảo:

a) Đảm bảo việc đề xuất xây dựng, soạn thảo, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án theo đúng quy trình quy định tại Luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quy chế này;

b) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, trước pháp luật về tiến độ, chất lượng lập đề xuất xây dựng chính sách, soạn thảo, truyền thông chính sách; thời hạn thực hiện; toàn bộ nội dung của chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án và việc thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản

quy phạm pháp luật; việc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, tham vấn, phản biện xã hội, thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật và Quy chế này. Chịu trách nhiệm về căn cứ pháp lý, thẩm quyền ban hành, tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án;

c) Khi phát sinh những nội dung, vấn đề mới, phức tạp trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, quyết định việc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ;

d) Bố trí đủ nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án;

đ) Xác định mức độ phức tạp của văn bản quy phạm pháp luật, đề án được giao xây dựng và phối hợp với Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch - Tài chính báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét quyết định áp dụng định mức chi theo quy định của pháp luật;

e) Chủ động hoặc trình Lãnh đạo Bộ phụ trách kịp thời cung cấp thông tin liên quan theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các cơ quan của Quốc hội;

g) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ, Trung tâm Chuyển đổi số, Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo, Báo VietNamnet thực hiện truyền thông chính sách, truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

h) Tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý gửi Trung tâm Chuyển đổi số đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

i) Thường xuyên phối hợp với Vụ Pháp chế để thông tin kịp thời về tình hình và kết quả soạn thảo; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án, đề xuất các phương án xử lý để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ;

k) Chậm nhất vào ngày 20 hằng tháng, các đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án gửi Vụ Pháp chế thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

l) Bảo đảm sự tham gia của Vụ Pháp chế, tổ chức pháp chế của đơn vị mình (nếu có) trong quá trình xây dựng chính sách, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật, đề án;

m) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Lãnh đạo Bộ công bố thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị mình chủ trì xây dựng và phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện các nội dung liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định;

n) Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP;

o) Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản, phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến lĩnh vực đơn vị được phân công quản lý.

2. Đối với các đơn vị liên quan thuộc Bộ:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và lĩnh vực chuyên môn được giao phụ trách;

b) Phối hợp với đơn vị chủ trì soạn thảo theo phân công, chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, đề nghị của đơn vị chủ trì soạn thảo theo quy định của pháp luật, Quy chế này và Quy chế làm việc của Bộ.

Điều 41. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ tiến hành sơ kết, tổng kết Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

2. Giúp Lãnh đạo Bộ theo dõi tiến độ, nội dung và đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ tổ chức triển khai soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án; dự báo các trường hợp có khả năng không đảm bảo tiến độ soạn thảo để kịp thời đôn đốc các đơn vị chủ trì soạn thảo có phương án xử lý, bảo đảm chất lượng, tiến độ hoàn thành Chương trình.

3. Định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện Chương trình gửi Văn phòng Bộ tổng hợp vào báo cáo giao ban Bộ.

4. Chủ trì hoặc tham gia soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án theo phân công của Bộ trưởng.

5. Chủ trì thẩm định dự thảo thông tư của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo do các đơn vị khác chủ trì xây dựng; có ý kiến đối với hồ sơ văn bản quy phạm pháp luật, đề án khác trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

6. Căn cứ tình hình và kết quả triển khai thực hiện Chương trình để chủ động trình Bộ trưởng có giải pháp xử lý kịp thời, bảo đảm hoàn thành Chương trình của Bộ.

7. Hướng dẫn về nghiệp vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; có ý kiến đối với dự thảo văn bản hành chính hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật khi được gửi lấy ý kiến; hướng dẫn nghiệp vụ tổ chức thi hành hoặc đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của Quy chế này.

8. Tham mưu, giúp Lãnh đạo Bộ trong việc tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực, phân tích chính sách, lập dự kiến Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

9. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ đăng tải văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Cổng Pháp luật quốc gia.

Điều 42. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính

1. Tham mưu Lãnh đạo Bộ đề bố trí kinh phí cho nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Lãnh đạo Bộ phân bổ nguồn kinh phí cho các đơn vị thuộc Bộ được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Điều 43. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ

1. Thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

2. Phối hợp với đơn vị chủ trì soạn thảo, Trung tâm Chuyển đổi số, Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo, Báo VietNamnet và các cơ quan liên quan thực hiện truyền thông chính sách, văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì soạn thảo trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

3. Phối hợp với Vụ Pháp chế theo dõi, tổng hợp tình hình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án.

4. Có ý kiến về thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính khi được gửi lấy ý kiến; thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 44. Trách nhiệm của Trung tâm Chuyển đổi số

1. Kết thúc thời hạn đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật năm 2025, Trung tâm Chuyển đổi số có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến góp ý, gửi đơn vị chủ trì soạn thảo.

2. Đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ:

a) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo gửi;

b) Nội dung truyền thông chính sách và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo gửi.

Điều 45. Đảm bảo nguồn lực và kinh phí cho công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; được phân bổ vào kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ của đơn vị.

2. Mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật, Quy chế chi tiêu nội bộ của Bộ.

3. Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình bố trí công chức, kinh phí hỗ trợ, phương tiện làm việc và các điều kiện cần thiết khác cho công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

4. Tổ chức, người làm công tác pháp chế được hưởng các cơ chế, chính sách cho công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật theo quy định.

5. Các đơn vị có trách nhiệm lập dự toán đối với nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật bảo đảm tiêu chuẩn, định mức quy định, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp trong dự toán chung của Bộ.

6. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chế độ và tiêu chuẩn hiện hành.

Điều 46. Khen thưởng, kỷ luật

1. Cá nhân, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ có thành tích trong công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án được xét khen thưởng theo quy định về thi đua, khen thưởng và của Bộ.

2. Cá nhân, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ xây dựng văn bản, đề án; chậm hoặc để quá hạn thời hạn trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản, đề án mà không có lý do chính đáng; vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo nguyên nhân, tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Văn phòng Bộ (cơ quan thường trực về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ) lấy ý kiến của Vụ Pháp chế về kết quả xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật của các đơn vị thuộc Bộ khi triển khai đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm đối với tập thể, cá nhân.

Điều 47. Văn bản viện dẫn

Trường hợp các văn bản, tên, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị được dẫn chiếu, đề cập trong Quy chế này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

Điều 48. Trách nhiệm thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc, các bước, quy trình xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án và các quy định có liên quan tại Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét sửa đổi, bổ sung./.